

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

Bản án số: 28/2023/HS-ST
Ngày 22-5-2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Long Kiêm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thanh Thủy;

Bà Trần Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Hà Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST-QĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Đinh Xuân Đ, sinh ngày 20-8-1995 tại huyện C, tỉnh Hải Dương; nơi đăng ký thường trú: Số xxx phố B, phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương; chỗ ở: Số xx, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Xuân L và bà Nguyễn Thị C; có vợ là Trần Thị T và có 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; tại Bản án hình sự sơ thẩm số 325/2013/HSST ngày 20/12/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang xử phạt 12 tháng tù về tội Cường đoạt tài sản (không xác định là án tích vì khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi); Bản án hình sự sơ thẩm số 160/2016/HSST ngày 20-9-2016 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy (đã được xóa án tích); bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/4/2022 cho đến nay; có mặt.

2. Phạm Văn T, sinh ngày 24-9-1984 tại thành phố B, tỉnh Bắc Giang; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Số xx, ngõ xxx, đường C, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn B và

bà Phạm Thị S; có vợ là Nguyễn Thị C và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21-02-2022 cho đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T:*

1. Ông Trần Xuân T, Luật sư Văn phòng Luật sư T, Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Ông Nguyễn Đức T, Luật Sư Công ty luật TNHH Q, Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang. Địa chỉ: Số xxx đường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đinh Xuân Đ:* Ông Hoàng N, Luật sư Văn phòng Luật sư N, Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1984; địa chỉ: Số xx, ngõ xx, đường C, Tổ dân phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 20 giờ 40 phút, ngày 21/02/2022 tại chốt kiểm soát dịch bệnh Covid 19 liên ngành tại Km 45 đường Cao tốc B - L thuộc thôn M, xã M, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Tổ công tác Phòng PC04 phối hợp với Cục C08 - Bộ Công an kiểm tra xe ô tô BKS 98A-099.00 do Phạm Văn T đang điều khiển đi theo hướng cao tốc B - L ra Quốc lộ 1A thuộc xã M, huyện C, tỉnh Lạng Sơn phát hiện:

1. Tại ngăn cánh cửa bên lái xe ô tô có 01 hộp bìa các tông bên trong chứa 01 túi nilon dạng zip bên trong chứa **100 viên nén màu xanh lá cây** trên bề mặt các viên nén đều có chữ PHILIPP PLEN; 01 túi nilon dạng zip bên trong chứa các **cục chất tinh thể màu trắng** nghi là ma túy.

2. Thu giữ khi kiểm tra phương tiện phát hiện 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa chất bột màu trắng và 03 gói nilon bên trong chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy; 100 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định số 319/KL-KTHS ngày 22/02/2022 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

“1. Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang Phạm Văn T gửi giám định:

+ 100 (một trăm) viên nén màu xanh lá cây, trên bề mặt các viên nén đều có chữ PHILIPP PLEN (đựng trong 01 (một) túi nilon trong suốt dạng zip) là ma túy, có tổng khối lượng **57,298 gam, loại MDMA.**

+ Các cục chất tinh thể màu trắng (đựng trong 01 (một) túi nilon trong suốt dạng zip) là ma túy, có tổng khối lượng **49,455 gam, loại Ketamine.**

2. Vật chứng thu giữ khi kiểm tra phương tiện xe ô tô biển kiểm soát 98A-099.00 của Phạm Văn T gửi giám định:

- *Chất bột màu trắng đựng trong 01 túi nilon trong suốt dạng zip là ma túy, có khối lượng 0,052 gam, loại Ketamine.*

- *Các hạt tinh thể màu trắng đựng trong 03 túi nilon trong suốt dạng zip đều là ma túy, có tổng khối lượng 2,313 gam, loại Ketamine.”.*

Tại Bản kết luận giám định số 182/KL-KTHS ngày 13/4/2022 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: *“Toàn bộ số tiền Việt Nam gồm 50.000.000 (Năm mươi triệu đồng) trong phong bì niêm phong gửi giám định đều là tiền thật”.*

Quá trình điều tra đã xác định được:

Phạm Văn T làm nghề lái xe Taxi chở khách tại thành phố B, tỉnh Bắc Giang; khoảng đầu năm 2021 trong một lần chở khách, Phạm Văn T quen biết Đinh Xuân Đ, quá trình nói chuyện Phạm Văn T và Đinh Xuân Đ cho nhau số điện thoại để liên lạc. Khoảng giữa tháng 10/2021, Đinh Xuân Đ cho Phạm Văn T biết mình đang bán lẻ ma túy tổng hợp dạng “Ke” (Ketamine) và ma túy dạng “Kẹo” (MDMA) đặt vấn đề thuê Phạm Văn T vận chuyển ma túy giao cho khách tại thành phố B với giá là 200.000 đồng/lần, vận chuyển ngoài tỉnh như Thái Nguyên, Lạng Sơn thì mỗi chuyến sẽ trả tiền công từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng, ngoài ra còn tùy vào số km sẽ thu thêm tiền công. Phạm Văn T đồng ý, sau đó từ tháng 10/2021 đến ngày 21/02/2022, Phạm Văn T đã nhiều lần được Đinh Xuân Đ thuê vận chuyển ma túy Ketamine và MDMA đi giao cho khách của Đinh Xuân Đ tại thành phố B, tại các tỉnh Bắc Ninh, Thái Nguyên, Lạng Sơn và Hà Nội. Quá trình điều tra xác định được 05 lần Phạm Văn T vận chuyển ma túy từ Bắc Giang lên Lạng Sơn cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng cuối tháng 10/2021, một người đàn ông tên Q, nhà ở thành phố L gọi điện thoại đặt mua của Đại 10 viên ma túy dạng “Kẹo” và 06 gam ma túy dạng “Ke” với giá tổng cộng là 8.500.000 đồng. Sau khi nghe điện của Q, Đinh Xuân Đ đã gọi điện cho Phạm Chí M, sinh năm 1995, trú tại: Thôn K, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang đặt mua của M số ma túy trên với giá 6.500.000 đồng sau đó M thuê người mang ma túy giao cho Đinh Xuân Đ tại nhà trọ ở số XX, đường N phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Đến 20 giờ cùng ngày, Đinh Xuân Đ gọi điện thoại và bảo Phạm Văn T đến khu trọ của Đinh Xuân Đ giao cho khách tên Q ở thành phố L và hứa trả 2.000.000 đồng tiền công. Sau khi nhận ma túy từ Đinh Xuân Đ, Phạm Văn T điều khiển xe ô tô BKS 98A-099.XX lên Lạng Sơn giao cho khách, đến 22 giờ cùng ngày, Phạm Văn T đến khu vực ngã tư thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giao ma túy cho Q và được Q trả tiền công 2.000.000 đồng.

Lần 2: Đinh Xuân Đ chuyển đến ở trọ tại số XX, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Vào một ngày trong tháng 12/2021, cũng bằng cách thức tương tự, Đinh Xuân Đ đã mua của Phạm Chí M 30 viên ma túy “Kẹo” sau đó gọi Phạm Văn T đến nhà trọ của Đinh Xuân Đ nhận ma túy rồi vận chuyển lên thành phố L giao cho Q. Do Q còn nợ tiền ma túy và tiền công

nên Q nhờ Đinh Xuân Đ trả tiền công cho Phạm Văn T, vì vậy Đinh Xuân Đ đã ứng trước trả cho Phạm Văn T 2.000.000 đồng tiền công.

Lần 3: Khoảng 20 giờ, ngày 22/01/2022, người đàn ông tên G, nhà ở thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn gọi điện cho Đinh Xuân Đ đặt mua 20 viên ma túy “Kẹo” và 12 gam ma túy “Ke” với giá là 16.000.000 đồng, Đinh Xuân Đ đồng ý và gọi điện cho M mua số ma túy trên với giá 13.000.000 đồng. Sau khi nhận ma túy, Đinh Xuân Đ gọi điện hẹn Phạm Văn T đến đoạn C, gần chung cư G, thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang để nhận ma túy, sau đó Đinh Xuân Đ cho Phạm Văn T số điện thoại người nhận ma túy để Phạm Văn T liên lạc. Đến 22 giờ cùng ngày, Phạm Văn T đến khu vực cây xăng qua khỏi Trạm kiểm soát liên hợp D khoảng 100 mét thì dừng lại gọi điện cho người nhận ma túy, sau đó khoảng vài phút có một nam thanh niên ra nhận ma túy và đưa cho Phạm Văn T 2.000.000 đồng tiền công.

Lần 4: Khoảng 20 giờ, ngày 28/01/2022, người đàn ông tên Q đặt mua của Đinh Xuân Đ 12 gam ma túy “Ke” với giá 12.000.000 đồng, sau đó Đinh Xuân Đ mua số ma túy trên với M với giá 10.000.000 đồng rồi giao cho Phạm Văn T mang lên Lạng Sơn bán cho Q. Chuyến này Phạm Văn T được Đinh Xuân Đ trả tiền công 2.000.000 đồng.

Lần 5: Khoảng 16 giờ, ngày 18/02/2022, khi Đinh Xuân Đ đang ở phòng trọ thì nhận được điện thoại của G nhà ở thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn đặt mua 100 viên ma túy “Kẹo” và 50 gam ma túy “Ke”, do trước đó M cho Đinh Xuân Đ biết là chưa có hàng nên Đinh Xuân Đ hẹn G khi nào có sẽ bán cho G. Ngày 19/02/2022, M cho Đinh Xuân Đ biết đã có ma túy thì Đ mua 100 viên ma túy “Kẹo” với giá 15.000.000 đồng và 50 gam ma túy “Ke” với giá 33.000.000 đồng. Mua được ma túy xong, Đ gọi điện cho G báo đã có đủ số ma túy mà G đặt mua và báo giá là 60.000.000 đồng, sẽ bảo Taxi mang ma túy giao cho G. Khoảng 19 giờ, ngày 21/02/2022, Đinh Xuân Đ gọi điện cho Phạm Văn T bảo đến khu vực chợ N, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang để nhận ma túy đồng thời cho Phạm Văn T số điện thoại của G để Phạm Văn T liên lạc. Sau đó Phạm Văn T nhận 100 viên ma túy “Kẹo” và 50 gam ma túy “Ke” từ Đinh Xuân Đ rồi cất vào hộc cánh cửa bên lái xe ô tô BKS 98A-099.00 rồi điều khiển xe đi Lạng Sơn. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, Phạm Văn T đến đoạn chốt kiểm soát dịch liên ngành tại Km 45 đường Cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn thuộc thôn Mạn Đường, xã Mai Sao, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn thì bị lực lượng chức năng kiểm tra, phát hiện bắt giữ như đã nêu trên.

Số tiền lợi nhuận từ việc mua bán ma túy, Đinh Xuân Đ và Phạm Văn T dùng trong sinh hoạt hàng ngày và chi tiêu cá nhân hết.

Ngoài việc mang ma túy đi giao cho khách của Đinh Xuân Đ, Phạm Văn T còn được Phạm Chí M thuê mang ma túy đi giao cho khách của M tại thành phố B, mỗi lần được M trả tiền công là 200.000 đồng. Khi có ma túy, M thuê Nguyễn Anh T giao ma túy cho Phạm Văn T nhưng M không nói cho Nguyễn Anh T biết đó là ma túy. Sau khi Phạm Văn T nhận được ma túy, M gọi điện cho Phạm Văn T hoặc nhắn tin qua ứng dụng Telegram bảo Phạm Văn T cân

trọng lượng, chủng loại ma túy rồi chụp hình gửi lại cho M. Khi có khách mua gọi đến, M gọi điện hoặc nhắn tin qua ứng dụng Telegram thông báo số lượng và địa chỉ khách mua để Phạm Văn T đi giao hàng quanh thành phố B. Trong năm 2021, Phạm Chí M đã 06 lần thuê Phạm Văn T đi giao ma túy cho khách nhưng Phạm Văn T không nhớ cụ thể số lượng và từng lần.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo Phạm Văn T và Đinh Xuân Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong vụ án.

Căn cứ Công văn số 287/PC09 ngày 19/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn về việc phúc đáp Công văn số 858/CSMT ngày 17/11/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn về việc xác định khối lượng trung bình của ma túy tổng hợp. Theo đó, *“khối lượng trung bình của 01 viên ma túy tổng hợp có đặc điểm hình trụ, màu đỏ hoặc xanh là khoảng 0,096 gam”*.

Như vậy từ lần thứ 1 đến lần thứ 4, các bị cáo đã mua bán 60 viên ma túy MDMA (kẹo) $\times 0,096 \text{ gam} = 5,76 \text{ gam}$ MDMA và 30 gam ma túy Ketamine.

Lần thứ 5, các bị cáo mua bán bị bắt quả tang là 57,298 gam ma túy MDMA và 49,455 gam ma túy Ketamine.

Tổng cộng các bị cáo đã mua bán trái phép 63,058 gam ma túy MDMA và 79,455 gam ma túy Ketamine.

Bản Cáo trạng số 34/CT-VKSLS-P2 ngày 24-3-2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm h khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Đinh Xuân Đ, Phạm Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố và xin Tòa giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị C trình bày: Chị là vợ của bị cáo Phạm Văn T, chiếc xe ô tô BKS 98A-099.xx là tài sản chung của vợ chồng, chị và chồng tiết kiệm tiền mua để anh Phạm Văn T chạy Taxi, số tiền 50.000.000 đồng là tiền của chị đi chợ tiết kiệm được đưa cho anh Phạm Văn T để mang đi trả nợ. Ngoài ra trong chiếc thẻ ATM ngân hàng MB Bank có số tiền 130.000.000 đồng là tiền tiết kiệm của hai vợ chồng. Việc anh Phạm Văn T sử dụng chiếc xe đi vận chuyển ma túy chị không biết gì, chị đề nghị được trả lại chiếc xe ô tô, số tiền 50.000.000 đồng và thẻ ATM.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo, sửa một phần nội dung Cáo trạng về lỗi chính tả và trích dẫn nội dung của điều luật; đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Đinh Xuân Đ, Phạm Văn T phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy. Căn cứ điểm h khoản 3 Điều 251, điểm s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1

Điều 52; Điều 38, Các Điều 17, 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Đinh Xuân Đ từ 17 năm đến 18 năm tù.

Căn cứ điểm h khoản 3 Điều 251, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Các Điều 17, 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 16 năm đến 17 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu, tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định và các đồ vật không có giá trị; tịch thu hóa giá sung ngân sách nhà nước chiếc xe ô tô biển kiểm soát 98A-099.xx thu giữ của bị cáo Phạm Văn T; các điện thoại di động thu giữ của các bị cáo liên quan đến hành vi phạm tội. Trả lại cho các bị cáo là chủ sở hữu điện thoại di động, máy tính xách tay, giấy tờ tùy thân; thẻ ATM; trả lại cho người liên quan số tiền 50.000.000 đồng do không chứng minh được liên quan đến hành vi phạm tội.

Ý kiến của Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T: Nhất trí quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Bị cáo có vai trò thứ yếu, giúp sức cho bị cáo Đinh Xuân Đ, bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ là thật thà khai báo, ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc phát hiện tội phạm, có bố đẻ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhì, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn học vắn thấp, vợ không có việc làm ổn định, các con còn nhỏ nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, đề nghị xử phạt bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt từ 15 năm đến 15 năm 6 tháng; trả lại tài sản đã thu giữ của bị cáo, trả lại số tiền đã thu giữ cho vợ bị cáo là chị Nguyễn Thị C, đối với chiếc ô tô đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đây là phiên tòa triệu tập hợp lệ lần thứ nhất, người bào chữa của bị cáo Đinh Xuân Đ vắng mặt. Tại tòa, bị cáo từ chối mời Luật sư bào chữa, bị cáo cho rằng vụ án đã được làm rõ, bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa, xin tự trình bày, tự bào chữa. Căn cứ Điều 291 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm

2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bị cáo Đinh Xuân Đ về việc từ chối người bào chữa, vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo Đinh Xuân Đ, Phạm Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

[4] Có đủ căn cứ xác định: Khoảng giữa tháng 10 năm 2021, Đinh Xuân Đ đã cho Phạm Văn T biết việc bán lẻ ma túy và đặt vấn đề để Phạm Văn T vận chuyển ma túy giao cho khách của Đinh Xuân Đ và trả tiền công cho Phạm Văn T theo chuyển. Từ tháng 10 năm 2021 đến ngày 21/02/2022, bị cáo Đinh Xuân Đ đã 05 lần mua ma túy MDMA và Ketamin với Phạm Chí M và giao cho Phạm Văn T để giao cho khách; tổng khối lượng ma túy các bị cáo thực hiện mua bán trái phép là 79,455 gam ma túy Ketamine và 63,058 gam ma túy MDMA; trong đó lần thứ 5 vào ngày 21/02/2022 bị cáo Phạm Văn T đang đi giao ma túy cho khách thì bị bắt quả tang.

[5] Theo hướng dẫn tại khoản 4, Điều 5, Nghị định 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định về việc tính khối lượng hoặc thể tích ma túy để xử lý hình sự được quy định tại khoản 4, Điều 251 Bộ luật Hình sự, khối lượng ma túy Ketamin các bị cáo đã mua bán là 79,455 gam = 26,485% tương đương 26,485 gam ma túy MDMA; khối lượng ma túy MDMA các bị cáo đã mua bán là 63,058 gam = 63,058% tương đương 63,058 gam ma túy MDMA. Như vậy, tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng các chất ma túy mà các bị cáo đã thực hiện việc mua bán so với khối lượng quy định tại khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự có tỷ lệ là $26,485\% + 63,058\% = 89,543\%$ tương đương 89,543 gam ma túy MDMA. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan. Vì vậy có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Đinh Xuân Đ, Phạm Văn T phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước; ảnh hưởng xấu đến trật tự an ninh xã hội, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Các bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; các bị cáo nhận thức được hành vi Mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vì háms lợi nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

[7] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn: Bị cáo Đinh Xuân Đ là người tìm nguồn ma túy mua về, tìm người mua ma túy để bán kiếm lời và đặt vấn đề giao cho Phạm Văn T chuyển ma túy cho khách; bị cáo Đinh Xuân Đ là người có vai trò chính, là người khởi xướng, thực hành trong vụ án. Bị cáo Phạm Văn T biết rõ việc bị cáo Đinh Xuân Đ mua bán ma túy nhưng vẫn chấp nhận đề nghị của bị cáo Đinh Xuân Đ, giúp bị cáo Đinh Xuân Đ đem ma túy cho người mua ma túy theo sự chỉ đạo của bị cáo Đinh Xuân Đ để nhận tiền công; bị cáo Phạm Văn T có vai trò thứ yếu, giúp sức trong vụ án.

[8] Về nhân thân: Bị cáo Phạm Văn T không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu nên xác định là có nhân thân tốt. Bị cáo Đinh Xuân Đ năm 2013 bị xử phạt 01 năm tù về tội Cường đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 135 của Bộ luật Hình sự năm 1999, tại thời điểm phạm tội bị cáo là người chưa thành niên, do vậy xác định bị cáo đã được xóa án tích đối với Bản án này. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 160/2016/HSST ngày 20-9-2016 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, phạt bổ sung số tiền 5.000.000 đồng, bị cáo đã thi hành xong hình phạt bổ sung vào ngày 11/01/2021 trước khi bị cáo phạm tội lần này. Do vậy xác định bị cáo đã được xóa án tích; nên xác định lần phạm tội này bị cáo có nhân thân không tốt.

[9] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Đinh Xuân Đ, Phạm Văn T có tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[10] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo Phạm Văn T đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc phát hiện tội phạm, tự nguyện viết đơn tố giác hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Đinh Xuân Đ; ngoài lần phạm tội thứ 5 bị bắt quả tang, bị cáo đã tự thú ra các lần mua bán trái phép chất ma túy trót lọt 04 lần trước đó trong vụ án này; bị cáo có bố đẻ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhì nên bị cáo Phạm Văn T được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ tại điểm r, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đinh Xuân Đ tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong việc phát hiện tội phạm, đã khai ra người bán ma túy cho Đại là Phạm Chí M giúp cơ quan điều tra làm rõ vụ án, khởi tố điều tra đối với Phạm Chí M về tội Mua bán trái phép chất ma túy nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[11] Khi lượng hình cần có mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Tuy nhiên, cũng cần xem xét đến vai trò, nhân thân, điều kiện, hoàn cảnh phạm tội, tình tiết giảm nhẹ của từng bị cáo để có mức hình phạt thỏa đáng. Cần xử tù có thời hạn, cách ly các bị cáo trong một thời gian nhất định, đảm bảo công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, đủ sức răn đe cũng như giáo dục các bị cáo.

[12] Về hình phạt bổ sung: Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thể hiện: Bị cáo Đinh Xuân Đ không có tài sản đảm bảo thi hành án nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Đinh Xuân Đ. Đối với bị cáo Phạm Văn T, tại biên bản xác minh tài sản xác định bị cáo không có tài sản gì có giá trị tại địa phương; tuy nhiên Cơ quan điều tra đang thu giữ thẻ ATM của bị cáo, trong thẻ có số tiền 130.000.000 đồng là tiền tiết kiệm của hai vợ chồng bị cáo do vậy có cơ sở để áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Phạm Văn T.

[13] Các biện pháp tư pháp: Bị cáo Phạm Văn T vận chuyển ma túy được tiền công 04 chuyến x 2.000.000 đồng/ chuyến; do vậy cần truy thu của bị cáo số tiền 8.000.000 đồng là tiền công vận chuyển ma túy. Đối với bị cáo Đinh Xuân Đ, thực hiện bán ma túy trót lọt 04 lần, qua tranh tụng tại phiên tòa đã xác định được bị cáo đã nhận được số tiền thu lời bất chính 05 triệu đồng; do vậy, cần truy thu đối với bị cáo Đinh Xuân Đ số tiền 5.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

[13] Đối với số ma túy thu trong quá trình khám xét xe ô tô BKS 98A-099.xx của Phạm Văn T gồm: Chất bột màu trắng đựng trong 01 túi nilon trong suốt dạng zip là Ketamin có khối lượng 0,052 gam, và các hạt tinh thể màu trắng đựng trong 03 túi ni lon trong suốt dạng zip là ma túy loại Ketamine, khối lượng 2,313 gam (tổng 2,365 gam Ketamine). Quá trình điều tra ban đầu Phạm Văn T khai số ma túy này là của một người bạn tên H, quê ở tỉnh Hà Nam, không rõ địa chỉ, sau đó bị cáo lại khai đó là ma túy của khách đi xe để quên. Ngoài lời khai trên, chưa đủ căn cứ chứng minh số ma túy này là của ai. Đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh khi đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

[14] Đối với Phạm Chí M: Ngày 06/02/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã ra Quyết định khởi tố bị can và Lệnh bắt bị can để tạm giam. Tuy nhiên, xác minh tại nơi thường trú và nơi ở hiện tại bị can không có mặt tại địa phương, đi đâu làm gì gia đình không rõ. Ngày 13/02/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã ra Quyết định truy nã đối với Phạm Chí M đồng thời tách vụ án ra để điều tra riêng, khi nào bắt được bị can sẽ xử lý theo quy định.

[15] Đối với việc Phạm Văn T khai trong năm 2021 được 06 lần Phạm Chí M thuê mang ma túy đi giao cho khách của M tại thành phố B, mỗi lần được M trả tiền công là 200.000 đồng nhưng Thế không nhớ cụ thể số lượng ma túy từng lần; do Phạm Chí M đang bị truy nã và tách ra giải quyết trong vụ án khác, do vậy chưa có cơ sở để đánh giá hành vi của Phạm Văn T, đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ.

[16] Đối với Nguyễn Anh T, sinh năm 1992, trú tại: số XX, ngõ XXX, đường N, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang là người làm công việc giao hàng (Shipper) được Phạm Chí M thuê giao hàng cho Thế nhưng M không nói cho T biết đó là ma túy và những lần giao hàng này T đều không biết đó là hàng gì, do vậy chưa đủ căn cứ xử lý đối với Nguyễn Anh T.

[17] Đối với Đinh Xuân P, sinh năm 1999; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số xxx, phố b, phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương (em ruột bị cáo Đinh Xuân Đ). Theo lời khai bị cáo Phạm Văn T thì P thường xuyên ở trọ cùng Đinh Xuân Đ, khi Phạm Văn T đến nhà trọ của Đinh Xuân Đ để nhận ma túy thì P là người ra đầu ngõ giao cho Phạm Văn T. Tuy nhiên Đ không thừa nhận việc đưa ma túy cho P để giao cho T. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn xác minh tại nơi đăng ký thường trú của P xác định Đinh Xuân P đã đi khỏi địa phương từ năm 2019 đến nay, đi đâu làm gì chính quyền địa phương không nắm được. Xác minh tại nơi ở của P là nơi ở trọ của Đinh Xuân Đ tại địa chỉ

phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang thì được cung cấp thông tin không có ai tên Đinh Xuân P cư trú tại địa chỉ nêu trên. Vì vậy Cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ để xác minh, xử lý đối với Đinh Xuân P trong vụ án này.

[18] Đối với đối tượng tên Q, trú tại khu T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn và đối tượng tên G, trú tại thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn là những người nhận ma túy do Phạm Văn T giao. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại địa phương, tuy nhiên do thông tin không cụ thể, rõ ràng nên không xác minh, làm rõ để xử lý được.

[19] Đối với các số điện thoại do các bị cáo Phạm Văn T, Đinh Xuân Đ, Phạm Chí M sử dụng trong việc trao đổi, mua bán ma túy. Ngày 04/3/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã ra Lệnh thu giữ điện tín đối với các số thuê bao: 0913.928.093; 0768.349.135; 0976.308.298; 0973.938.093; 0383.989.938; 0975.379.254; 0349.777.555; 0378.281.690; 0327.270.160 về thông tin người đăng ký, danh sách chi tiết cuộc gọi, tin nhắn từ ngày 01/8/2021 đến hết ngày 21/02/2022. Kết quả: Đối với số điện thoại 0913.928.093 và 0976.308.298 đều do Phạm Văn T đăng ký, sử dụng. Đối với các số điện thoại còn lại, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh đối với những người đăng ký thuê bao, tuy nhiên quá trình xác minh những người này không có mặt tại địa phương và không liên quan đến vụ án, do vậy không có căn cứ để xử lý đối với các chủ thuê bao điện thoại nêu trên.

[20] Về vật chứng: Đối với vật chứng là ma túy còn lại sau giám định và đồ vật không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy; đối với thẻ ATM mang tên Vũ Ngọc Anh do bị cáo Đinh Xuân Đ nhặt được, không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy; đối với những chiếc điện thoại thu giữ của các bị cáo liên quan đến hành vi phạm tội cần tịch thu hóa giá sung Ngân sách nhà nước; trả lại cho các bị cáo là chủ sở hữu điện thoại di động, máy tính xách tay, giấy tờ tùy thân, thẻ ATM không liên quan đến hành vi phạm tội, tuy nhiên cần tạm giữ lại thẻ ATM mang tên bị cáo Đinh Xuân Đ và chiếc thẻ ATM Ngân hàng MB Bank mang tên bị cáo Phạm Văn T, để đảm bảo thi hành án. Trả lại cho người liên quan chị Nguyễn Thị C số tiền 50.000.000 đồng do không chứng minh được liên quan đến hành vi phạm tội.

[21] Đối với chiếc xe ô tô biển kiểm soát 98A-099.00 thu giữ của bị cáo Phạm Văn T, mặc dù là tài sản chung của vợ chồng, chị Nguyễn Thị C không biết, không có lỗi trong việc bị cáo sử dụng xe vận chuyển ma túy, nhưng bị cáo đã tự ý dùng tài sản chung của vợ chồng làm công cụ, phương tiện phạm tội, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự cần phải tịch thu hóa giá sung Ngân sách nhà nước chiếc xe ô tô cùng toàn bộ giấy tờ xe. Trường hợp chị Nguyễn Thị C có tranh chấp về quyền sở hữu hoặc yêu cầu bồi thường một phần giá trị của tài sản chung mà bị cáo dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội thì giải quyết theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự trong vụ án khác.

[22] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của những người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T, ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ý kiến nào phù hợp với nhận định trên thì được Hội đồng xét xử chấp nhận, ý kiến

nào không phù hợp với nhận định trên thì không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[23] Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[24] Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm h khoản 3 Điều 251, điểm s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Các Điều 17, 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Đinh Xuân Đ;

Căn cứ điểm h khoản 3, khoản 5 Điều 251, điểm s, r, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Các Điều 17, 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Phạm Văn T;

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đinh Xuân Đ, Phạm Văn T phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Đinh Xuân Đ 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/4/2022.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

2.2. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 21/02/2022.

Phạt bổ sung bị cáo Phạm Văn T số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

3. Về áp dụng biện pháp tư pháp:

3.1. Truy thu đối với bị cáo Phạm Văn T số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

3.2. Truy thu đối với bị cáo Đinh Xuân Đ số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng

4.1. Tịch thu, tiêu hủy:

- 01 (một) phong bì của phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Lạng Sơn, mặt trước phong bì có dòng chữ viết tay “Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang Phạm Văn T ...”. Mặt sau phong bì có chữ ký cùng tên của các thành phần tham gia niêm phong và các hình dấu tròn của Công an xã M, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Tại Phần giáp lai mặt trước và mặt sau của phong bì có chữ ký cùng tên của Giám định viên và các hình dấu tròn của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang. Bên trong phong bì có 01 (một) hộp bìa cát tông có in dòng chữ “LIANHUA QINGWEN JIAONANG”, được bọc ngoài bằng băng dính màu vàng, đựng: Mẫu cục chất tinh thể màu trắng (đựng trong 01 (một) túi ni lon trong suốt dạng zip) là ma túy loại Ketamine, có tổng khối lượng 43,170 gam; Mẫu viên nén màu xanh lá cây (đựng trong 01 (một) túi ni lon trong suốt dạng zip) là ma túy MDMA, có tổng khối lượng 52,090 gam.

- 01 (một) phong bì của phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Lạng Sơn, mặt trước phong bì có dòng chữ viết tay “Vật chứng thu giữ khi kiểm tra phương tiện xe ô tô biển kiểm soát 98A-099.xx của Phạm Văn T”. Mặt sau phong bì có chữ ký cùng tên của các thành phần tham gia niêm phong và các hình dấu tròn của Công an xã M, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Tại phần giáp lai mặt trước và mặt sau của phong bì có chữ ký cùng tên của Giám định viên, Điều tra viên và các hình dấu tròn của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang. Bên trong phong bì có: Mẫu chất bột màu trắng (đựng trong 01 (một) túi ni lon trong suốt dạng zip) là ma túy Ketamine, có khối lượng 0,039 gam; Mẫu hạt tinh thể màu trắng (đựng trong 03 (ba) túi ni lon trong suốt dạng zip) là ma túy Ketamine, có tổng khối lượng 2,009 gam.

- 01 (một) quyển sổ GENERAL BOOK A6 200 trang, bên trong có 01 (một) trang có chữ viết tay mực màu đỏ.

- 01 (một) quyển sổ màu đen Notes MC - 011, bên trong các trang có chữ viết tay mực màu đỏ.

- 01 (một) ví da màu nâu có in chữ LOUIS VUITTON PARIS cũ đã qua sử dụng.

- 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Techcombank mang tên VU NGOC ANH, số thẻ 9704079935485858.

- 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định số 8556868, biển đăng ký: 34A-370.15.

- 01 (một) giấy biên nhận thế chấp xe ô tô BKS: 34A-370.15 số 103/2020/VIB.

- 01 (một) cân tiểu ly điện tử màu đen, nhãn hiệu: Pocket Scale, đã qua sử dụng.

4.2. Tịch thu hóa giá, sung ngân sách Nhà nước

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu trắng hồng, số IMEI: 352999096870164, máy cũ đã qua sử dụng. (không kiểm tra được số Imei do máy bật không lên nguồn).

- 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, BKS: 98A- 09900, số máy: G3LAFM480046, số khung: MALA751AAGM380036, màu sơn: Bạc, số loại: I10, Dung tích xi lanh: 998, số chỗ ngồi: 5, năm sản xuất: 2015. Xe cũ đã qua sử dụng (bên trong xe không có đồ vật, tài sản gì); kèm theo:

01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, BKS: 98A- 099XX, số 015256, mang tên Phạm Văn T, do phòng CSGT Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 27/4/2016; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định, số: 3244897, do sở giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang cấp ngày 23/7/2020.

4.3. Trả lại cho bị cáo Phạm Văn T

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu ACE, màu đen, số IMEI 1: 359053914766502; số IMEI 2: 359053914766510, máy cũ đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG, màu xanh, số IMEI 1: 356472094559607/01; số IMEI 2: 356473094559605/01, máy cũ đã qua sử dụng. (không kiểm tra được số Imei do không có mặt khẫu).

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 98013201 mang tên Phạm Văn T, biển số đăng ký: 98B3 - 857.16 do phòng CSGT Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 22/10/2021.

- 01 (một) giấy CMND số: 121648916 mang tên Phạm Văn T, cấp ngày 14/4/2011, nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang.

- 01 (một) thẻ ATM ngân hàng MB mang tên PHAM VAN THE, số thẻ 4089041062111307, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

- 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng Vietcombank mang tên PHAM VAN THE, số thẻ: 9704365520594507018.

- 01 (một) thẻ ATM ngân hàng VP Bank mang tên PHAM VAN THE, số thẻ 5203993010917813.

4.4. Trả lại cho bị cáo Đinh Xuân Đ

- 01 (một) máy tính xách tay màu đen nhãn hiệu TOSHIBA cũ đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh, số IMEI: IMEI: 356734111615641, điện thoại đã qua sử dụng. (không kiểm tra được số Imei do không có mặt khẫu).

- 01 (một) căn cước công dân số: 030095003804 mang tên Đinh Xuân Đ, cấp ngày 03/10/2018, nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.

- 01 (một) giấy phép lái xe số: 240143703976 mang tên Đinh Xuân Đ, cấp ngày 08/10/2021, nơi cấp: Sở giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang.

- 01 (một) thẻ ATM ngân hàng MB mang tên ĐINH XUAN DAI số thẻ 4089041073672131, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

- 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng Tecombank số 9704 0799 4845 3174, mang tên Đinh Xuân Đ, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

- 01 (một) thẻ ATM, Ngân hàng Tecombank mang tên Đinh Xuân Đ, số: 4220757501292370, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

- 01 (một) hộ chiếu số: B6396757, mang tên Đinh Xuân Đ.

4.5. Trả lại cho chị Nguyễn Thị C

- Số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) đựng trong 01 (một) phong bì được niêm phong dán kín bên trên phong bì có dòng chữ : “Tiền thu giữ của Phạm Văn T” Có chữ ký cùng tên của giám định viên, trợ lý giám định và đóng dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn.

(Các vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 03 tháng 4 năm 2023).

5. Về án phí: Các bị cáo Đinh Xuân Đ, Phạm Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở T tỉnh Lạng Sơn;
- PV 06 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục T tỉnh Lạng Sơn;
- Trại tạm giam;
- Các bị cáo;
- Người TGTT khác;
- Lưu: VT, Tổ HCTP, THS, HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Long Kiếm